

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 243/2022/HNST ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXX ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1959; Địa chỉ: số.... đường B Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Hoàn T, sinh năm 1957; Địa chỉ: số.... đường B, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Bùi Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Đặng Hoàn T tự nguyện tìm hiểu, thấy phù hợp đã tổ chức lễ cưới, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Thành, Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo ngày 07/01/1983. Bà và ông T chung sống hạnh phúc thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà thấy ông T sống hời hợt, không có trách nhiệm, ham vui với bạn bè và không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi, hiện tại bà thấy sức khỏe đã yếu, không còn muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông T nữa vì cả hai đã không thể tìm được tiếng nói chung. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Hoàn T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Đặng Thành T sinh năm 1983, Đặng Thị Mai V và Đặng Thị Mai T cùng sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Đặng Hoàn T đã được triệu tập họp lệ nhưng không tới Tòa để thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà M nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà M có yêu cầu ly hôn, ông T đã được triệu tập họp lệ nhưng không tới Tòa làm việc thể hiện việc ông T không tha thiết hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M;

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung; Nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Tuyết M yêu cầu ly hôn với ông Đặng Hoàn T thường trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ hai ông T vắng mặt không có lý do, bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà M.

[2]. *Về nội dung:*

Ông Đặng Hoàn T và bà Bùi Thị Tuyết M tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương nơi bà M và ông T chung sống thì được cung cấp thông tin do ông T và bà M không báo về việc mâu thuẫn giữa hai người nên địa phương không nắm được nội dung mâu thuẫn.

Bà M xác định bà và ông T tuy sống chung nhưng vợ chồng đã hết tình nghĩa nên không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau theo như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ ông Đặng Hoàn T để tiến hành hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, ông T vắng mặt không lý do chứng tỏ không tha thiết muốn hàn gắn mâu thuẫn, muốn đoàn tụ cùng bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Tuyết M đối với ông Đặng Hoàn T theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung:* Đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà M không yêu cầu Tòa giải quyết; ông T không thể hiện ý kiến về việc yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Bà Bùi Thị Tuyết M là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82;
Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Tuyết M ly hôn ông Đặng Hoàn T.
2. Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Bùi Thị Tuyết M.
5. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà M vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm